

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế: 0101218757

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

Quý 4 Năm 2020

Hà Nội, tháng 01 năm 2021

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 Năm 2020

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế : 0101218757

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.359.432.590.486	1.536.313.305.354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	359.619.546.190	436.251.657.974
1. Tiền		111		157.351.755.222	173.993.952.118
2. Các khoản tương đương tiền		112		202.267.790.968	262.257.705.856
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		15.205.442.500	10.205.442.500
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	205.442.500	205.442.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2b	15.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		649.446.772.649	823.145.554.468
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	534.813.229.760	748.144.308.117
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	74.727.143.297	35.044.861.206
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.5a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.6	39.906.399.592	39.956.385.145
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		329.080.546.315	250.366.619.087
1. Hàng tồn kho		141	V.7	329.080.546.315	250.366.619.087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		6.080.282.832	16.344.031.325
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8a	898.986.623	4.755.764.554
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		5.034.466.484	11.575.571.553
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		146.829.725	12.695.218
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		737.138.103.670	714.732.330.793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41.215.550.361	39.525.927.290
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	41.215.550.361	39.525.927.290
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		47.647.876.341	71.468.120.417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	47.176.403.823	70.881.304.538
<i>Nguyên giá</i>	222		322.537.974.672	316.410.351.148
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(275.361.570.849)	(245.529.046.610)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	471.472.518	586.815.879
<i>Nguyên giá</i>	228		1.418.944.090	1.138.944.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(947.471.572)	(552.128.211)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		500.000.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		500.000.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		625.471.095.585	573.465.126.067
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	657.358.000.000	585.358.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	759.000.000	759.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(36.645.904.415)	(18.331.873.933)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	4.000.000.000	5.680.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.303.581.383	30.273.157.019
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	22.303.581.383	30.273.157.019
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.096.570.694.156	2.251.045.636.147

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.251.727.486.781	1.386.045.612.217
I. Nợ ngắn hạn	310		1.139.394.624.779	1.205.375.950.170
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	244.395.127.091	381.232.220.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	294.738.158.321	294.027.136.847
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.666.416.367	8.900.793.389
4. Phải trả người lao động	314		17.400.475.362	11.491.415.679
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.327.251.945	3.847.735.531
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.076.226.462	5.811.585.551
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	535.208.357.462	463.921.931.517
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17a	11.612.546.305	11.612.546.305
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	14.970.065.464	24.530.584.507
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		112.332.862.002	180.669.662.047
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	111.648.772.261	179.985.572.306
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17b	684.089.741	684.089.741
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		844.843.207.375	865.000.023.930
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	844.843.207.375	865.000.023.930
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		449.998.100.000	449.998.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		449.998.100.000	449.998.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.341.290.000	49.341.290.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(36.786.835.025)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.352.798.365	41.352.798.365
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		340.937.854.035	324.307.835.565
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		276.273.263.610	324.307.835.565
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		64.664.590.425	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.096.570.694.156	2.251.045.636.147

Người lập biểu

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2020

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
Mã số			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	461.605.334.370	633.457.529.191	1.323.782.514.017	1.683.285.075.301	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	461.605.334.370	633.457.529.191	1.323.782.514.017	1.683.285.075.301	
4.	Giá vốn hàng bán	VI.2	422.116.617.943	558.857.844.388	1.158.751.271.429	1.424.773.071.544	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	39.488.716.427	74.599.684.803	165.031.242.588	258.512.003.757	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	16.123.039.712	23.121.000.031	26.718.760.361	29.284.767.505	
7.	Chi phí tài chính	VI.4	(22.534.582.378)	30.862.818.284	62.477.337.324	62.621.890.018	
	Trong đó: chi phí lãi vay	23	10.917.556.354	12.223.388.685	43.242.123.656	43.143.618.112	
8.	Chi phí bán hàng	25			-	-	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	13.583.939.809	14.688.053.823	48.868.539.272	49.520.292.632	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	64.562.398.708	52.169.812.727	80.404.126.353	175.654.588.612	
11.	Thu nhập khác	VI.6	494.793.347	120.000.585	498.013.304	11.077.091.126	
12.	Chi phí khác	VI.7	445.658.998	3.486.861	451.091.850	84.996.603	
13.	Lợi nhuận khác	40	49.134.349	116.513.724	46.921.454	10.992.094.523	
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	64.611.533.057	52.286.326.451	80.451.047.807	186.646.683.135	
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.13	12.380.714.083	8.340.961.602	15.786.457.382	35.487.951.301	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-	-	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	52.230.818.974	43.945.364.849	64.664.590.425	151.158.731.834	
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-	-	-	
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	-	-	-	-	

Người lập biểu

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80.451.047.807	186.646.683.135
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	33.102.194.231	37.458.221.889
- Các khoản dự phòng	03		18.314.030.482	7.987.427.102
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29.857.127.374)	(29.725.308.670)
- Chi phí lãi vay	06	V1.4	43.242.123.656	43.750.841.085
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		145.252.268.802	246.117.864.541
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		178.467.456.043	(27.878.013.132)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(78.713.927.228)	(45.414.230.834)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(131.068.484.559)	(47.340.401.231)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.826.353.567	(21.535.568.921)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(44.054.758.378)	(44.351.661.917)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(11.746.704.901)	(47.397.172.780)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(14.095.280.998)	(3.880.768.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.866.922.348	8.320.046.998
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(9.924.521.721)	(3.465.658.310)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.372.893.913	760.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.958.596.113)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.680.000.000	630.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(72.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.668.208.914	25.069.408.813
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(55.162.015.007)	10.793.750.503

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(36.786.835.025)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	981.760.197.774	865.747.796.174
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(978.810.571.874)	(839.650.091.992)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(43.499.810.000)	(44.999.943.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(77.337.019.125)	(18.902.238.818)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(76.632.111.784)	211.558.683
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	436.251.657.974	436.040.099.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	359.619.546.190	436.251.657.974

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đạt Phương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Bung	Thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh điện năng; Xây dựng các công trình giao thông	61,32%	61,32%	61,32%
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Số 51-53, Đường số 16, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi	Thôn Mang Trãi, xã Sơn Lập, Huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, sản xuất truyền tải và phân phối điện	68,3%	68,3%	68,3%
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Số nhà SH1,2 khu đô thị Casamia, thôn Võng Nhi, xã Cẩm Thanh, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở	80%	80%	80%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 371 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 354 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ} - \text{Nguyên vật liệu tồn} \\ \text{kho cuối kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Doanh thu phát sinh trong kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khối lượng kiểm kê dở dang} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá ký hợp} \\ \text{đồng với ĐT} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 6
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 7
Tài sản cố định khác	3 – 4

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 5% doanh thu của các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Tiền mặt	274.147.105	320.641.136
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	157.077.608.117	173.673.310.982
Các khoản tương đương tiền (<i>là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	202.267.790.968	262.257.705.856
Cộng	359.619.546.190	436.251.657.974

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ (31/12/2020)			Số đầu năm (01/01/2020)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (11.607 cổ phiếu)	205.442.500	555.975.300		205.442.500	535.663.050	

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2020)		Số đầu năm (01/01/2020)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	5.680.000.000	5.680.000.000
Trái phiếu BIDV(*)	2.000.000.000	2.000.000.000	3.680.000.000	3.680.000.000
Trái phiếu Vietinbank(**)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	19.000.000.000	19.000.000.000	15.680.000.000	15.680.000.000

(*) Là 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 26 tháng 9 năm 2019, mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 07 năm, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam trả sau kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất +1,2% và được thanh toán 01 năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.

(**) Là 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 27 tháng 9 năm 2019 mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 7 năm. Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam của 04 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất +1,2% và được thanh toán 01 năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (31/12/2020)		Số đầu năm (01/01/2020)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	657.358.000.000	(36.645.904.415)	585.358.000.000	(18.331.873.933)
Công ty Cổ phần Sông Bung ⁽ⁱ⁾	116.508.000.000	0	116.508.000.000	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	0	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi ⁽ⁱⁱⁱ⁾	383.850.000.000	(36.645.904.415)	311.850.000.000	(18.331.873.933)
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An ^(iv)	152.000.000.000		152.000.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	759.000.000	0	759.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai ^(v)	759.000.000	0	759.000.000	
Cộng	658.117.000.000	(36.645.904.415)	586.117.000.000	(18.331.873.933)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030542893 ngày 09 tháng 3 năm 2009, thay đổi lần 12 ngày 14 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Bung 116.508.000.000 VND, tương đương 61,32% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310295378 ngày 01 tháng 09 năm 2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300506732 ngày 24 tháng 3 năm 2010, thay đổi lần 9 ngày 15 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi là 562.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty này 383.850.000.000 đồng (tương đương 38.385.000 cổ phần) chiếm 68,3% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001115346 ngày 10 tháng 7 năm 2017, thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An là 190.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty này 152.000.000.000 đồng (tương đương 15.200.000 cổ phần) chiếm 80% vốn điều lệ.
- (v) Tại ngày 31/12/2020, Công ty hiện còn nắm giữ 75.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai.
- Giá trị hợp lý*
- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn tạm dừng hoạt động từ tháng 11/2020.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	18.331.873.933	-
Trích lập dự phòng bổ sung	18.314.030.482	18.331.873.933
Số cuối kỳ	36.645.904.415	18.331.873.933

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Quý 4 năm 2020</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</u>
Công ty Cổ phần Sông Bung		
Nhận cổ tức được chia từ Sông Bung	11.650.800.000	11.650.800.000

Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn

Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi

Doanh thu thi công cho Công ty con	16.378.989.090	62.811.543.067
Góp vốn vào Công ty con	28.200.000.000	72.000.000.000
Thuê xe ô tô của Công ty con		90.000.000
Lãi cho Công ty con vay		845.753.425

Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An

Doanh thu cho thuê thiết bị cho ĐP Hội An	170.000.000	539.000.000
Doanh thu XL hạ tầng khu Vững Nhi	2.628.056.005	2.628.056.005
Doanh thu XL nhà ở khu Vững Nhi	43.832.664.941	219.223.813.742
Doanh thu XL hạ tầng khu Đồng Nà	20.556.967.671	44.528.505.507

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 4 năm 2020	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Doanh thu XL hạ tầng khu Cồn Tiển	3.796.621.273	3.796.621.273
Doanh thu chuyển nhượng các KĐT	3.123.920.025	3.123.920.025
Thuê nhà làm văn phòng Ban QLDA Bình Dương từ công ty con		48.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Phải thu các bên liên quan	255.209.841.102	342.246.639.582
Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi	103.553.675.911	110.871.517.636
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	151.656.165.191	231.375.121.946
Phải thu các khách hàng khác	279.603.388.658	405.897.668.535
Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (*)	31.238.262.000	31.238.262.000
Tổng công ty xây dựng số 1 - CTCP	50.819.819.639	
Các khách hàng khác	197.545.307.019	374.659.406.535
Cộng	534.813.229.760	748.144.308.117

- (*) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại, sẽ được hoàn trả bằng quỹ đất theo hình thức đổi đất lấy cơ sở hạ tầng. Quỹ đất được hoàn trả gồm Khu đô thị Đồng Nà (Bến Trĩ), thành phố Hội An: 6ha; Khu đô thị Võng Nhi, thành phố Hội An: 15ha; Khu đô thị Cồn Tiển, thành phố Hội An: 30ha; Khu đô thị Nội Rang, huyện Duy Xuyên: 25ha. Năm 2018, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Võng Nhi. Năm 2019, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Đồng Nà và Khu đô thị Nội Rang.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Trả trước cho các bên liên quan		
Trả trước cho các người bán khác	74.727.143.297	35.044.861.206
Công ty TNHH xây dựng Phú Vinh		9.352.610.000
Công ty TNHH Thanh Tiến	27.178.475.418	
Công ty TNHH Thiết bị xây dựng CN Nam Anh	12.750.000.000	
Các nhà cung cấp khác	34.798.667.879	25.692.251.206
Cộng	74.727.143.297	35.044.861.206

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn****5b. Phải thu về cho vay dài hạn:**

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Phải thu các bên liên quan		-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	41.215.550.361	39.525.927.290
Công ty cổ phần đầu tư Phương Nam(*)	41.215.550.361	39.525.927.290
Cộng	41.215.550.361	39.525.927.290

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*)Khoản cho vay theo hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2018 với lãi suất cố định 9%/năm cho toàn bộ thời gian vay, trả lãi hàng quý, trường hợp không trả lãi theo đúng lịch thì tiền lãi sẽ được gộp vào tiền gốc và được tính theo lãi suất quy định trên. Thời hạn vay tối đa là 08 năm kể từ ngày cho vay. Tài sản đảm bảo là 3.800.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Nam (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Phương (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Nam).

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (31/12/2020)		Số đầu năm (01/01/2020)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	39.906.399.592		39.956.385.145	
Tạm ứng	37.318.083.658		28.450.815.566	
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm	145.892.354		599.937.444	
Tạm ứng kinh phí giải phóng mặt bằng	1.547.715.280		8.234.357.456	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	894.708.300		2.671.274.679	
Cộng	39.906.399.592		39.956.385.145	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (31/12/2020)		Số đầu năm (01/01/2020)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu			30.062.500	
Công cụ, dụng cụ	569.240.000		269.740.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	328.511.306.315		250.066.816.587	
Cộng	329.080.546.315		250.366.619.087	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Chi phí công cụ dụng cụ	288.589.298	4.127.688.298
Chi phí bảo hiểm	16.804.400	285.469.996
Chi phí thuê nhà	275.681.065	273.216.710
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	317.911.860	69.389.550
Cộng	898.986.623	4.755.764.554

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Chi phí công cụ dụng cụ	17.806.182.718	25.639.860.427
Chi phí bảo hiểm	1.211.987.645	0
Chi phí sửa chữa	2.311.646.726	1.976.702.983
Các chi phí trả trước dài hạn khác	973.764.294	2.656.593.609
Cộng	22.303.581.383	30.273.157.019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm (01/01/2020)	478.825.050	257.388.327.248	50.864.920.575	568.559.396	7.109.718.879	316.410.351.148
Mua trong năm		4.970.181.826	3.665.560.000	254.055.910	254.723.985	9.144.521.721
Đầu tư XDCB hoàn thành						-
Thanh lý, nhượng bán		(2.425.668.398)	(524.279.799)	(66.950.000)	-	(3.016.898.197)
Số cuối kỳ (31/12/2020)	478.825.050	259.932.840.676	54.006.200.776	755.665.306	7.364.442.864	322.537.974.672
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	478.825.050	101.682.596.151	16.377.539.675	189.036.669	5.307.182.151	124.035.179.696
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm (01/01/2020)	478.825.050	199.226.144.150	39.341.573.284	353.084.956	6.129.419.170	245.529.046.610
Khấu hao trong năm		25.768.272.790	6.261.296.910	117.125.474	560.155.696	32.706.850.870
Thanh lý, nhượng bán		(2.283.096.832)	(524.279.799)	(66.950.000)		(2.874.326.631)
Số cuối kỳ (31/12/2020)	478.825.050	222.711.320.108	45.078.590.395	403.260.430	6.689.574.866	275.361.570.849
Giá trị còn lại						
Số đầu năm (01/01/2020)		58.162.183.098	11.523.347.291	215.474.440	980.299.709	70.881.304.538
Số cuối kỳ (31/12/2020)		37.221.520.568	8.927.610.381	352.404.876	674.867.998	47.176.403.823

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 29.701.346.763 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.138.944.090	1.138.944.090
Tăng trong kỳ	280.000.000	280.000.000
Giảm trong kỳ		
Số cuối kỳ	1.418.944.090	1.418.944.090
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	57.000.000	57.000.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	552.128.211	552.128.211
Tăng trong kỳ	395.343.361	395.343.361
Giảm trong kỳ		
Số cuối kỳ	947.471.572	947.471.572
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	586.815.879	586.815.879
Số cuối kỳ	471.472.518	471.472.518
<i>Trong đó:</i>		
Tạm thời không sử dụng		
Đang chờ thanh lý		

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Phải trả các bên liên quan	21.715.680.933	63.961.482.573
Công ty Cổ phần Sông Bung	15.344.938.486	25.554.938.486
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	6.370.742.447	38.307.544.087
Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi		99.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	222.679.446.158	317.270.738.271
Công ty CP xây dựng và kỹ thuật Toàn Thịnh	13.871.364.000	28.736.302.000
Công ty TNHH xây dựng Phú Vinh	20.751.720.000	
Các nhà cung cấp khác	188.056.362.158	288.534.436.271
Cộng	244.395.127.091	381.232.220.844

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Trả trước của các bên liên quan		
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An		
Trả trước của các khách hàng khác	294.738.158.321	294.027.136.847
Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	91.556.368.000	113.091.744.000
Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Đại Quang Minh		51.912.739.246
Ban quản lý dự án 7	116.705.717.000	
Các khách hàng khác	86.476.073.321	129.022.653.601
Cộng	294.738.158.321	294.027.136.847

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa			20.368.099.645	(20.368.099.645)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.294.872.792		15.786.457.382	(11.746.704.901)	12.334.625.273	
Thuế thu nhập cá nhân	173.909.847		4.913.470.732	(5.086.272.630)	124.518.424	123.410.475
Thuế tài nguyên	432.010.750		559.860.500	(1.015.290.500)		23.419.250
Thuế môn bài			4.000.000	(4.000.000)		
Các loại thuế khác			203.880.333	(203.880.333)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12.695.218	812.447.699	(592.479.811)	207.272.670	
Cộng	8.900.793.389	12.695.218	42.648.216.291	(39.016.727.820)	12.666.416.367	146.829.725

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 4 năm 2020	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.611.533.057	80.451.047.807
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.390.517.359	10.579.719.104
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	714.084.048	1.734.084.048
Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.	111.475.187	275.244.080
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	8.564.958.124	8.570.390.976
- Các khoản điều chỉnh giảm	0	0
Thu nhập chịu thuế	74.002.050.416	91.030.766.911
Thu nhập được miễn thuế	(12.098.480.000)	(12.098.480.000)
Thu nhập đã nộp thuế	(3.123.920.025)	(3.123.920.025)
Thu nhập tính thuế	58.779.650.391	75.808.366.886
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.755.930.078	15.161.673.377
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	624.784.005	624.784.005
Tổng Thuế thu nhập DN còn phải nộp	12.380.714.083	15.786.457.382

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác cát, đá với mức thuế suất lần lượt 15% và 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.327.251.945	3.847.735.531
Trích trước chi phí	2.489.157.500	2.197.006.364
Dự trả lãi trái phiếu	838.094.445	1.650.729.167
Cộng	3.327.251.945	3.847.735.531

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.076.226.462	5.811.585.551
Kinh phí công đoàn	1.406.809.440	1.319.735.960
BHXX; BHYT; BHTN		562.602.102
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	2.053.830.171	1.659.484.174
Phải trả các cá nhân về chi phí đã chi	844.058.432	1.488.409.316
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	771.528.419	781.353.999
Cộng	5.076.226.462	5.811.585.551

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	533.526.868.546	454.939.786.517
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	361.300.256.467	255.837.766.405
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾	157.991.448.579	199.102.020.112
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.235.163.500	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>	1.681.488.916	8.982.145.000
Cộng	535.208.357.462	463.921.931.517

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với hạn mức tín dụng là 550.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

món vay được quy định trong khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản của các cá nhân là bên liên quan với Công ty có ký hợp đồng cho mượn tài sản để cầm cố (Xem thuyết minh VIII.1).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long với hạn mức tín dụng là 450.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với hạn mức tín dụng là 300.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 03 đến 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm (01/01/2020)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ (31/12/2020)
Vay bên liên quan	-				
Vay ngân hàng	454.939.786.517	974.886.429.917	0	(896.299.347.888)	533.526.868.546
Vay dài hạn đến hạn trả	8.982.145.000		2.021.601.416	(9.322.257.500)	1.681.488.916
Cộng	463.921.931.517	974.886.429.917	2.021.601.416	(905.621.605.388)	535.208.357.462

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Vay bên liên quan		
Vay dài hạn ngân hàng	3.903.394.598	1.200.462.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	2.448.800.000	1.002.592.500
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽ⁱⁱ⁾		197.870.000
Vay dài hạn Shinhanbank ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.454.594.598	
Trái phiếu thường dài hạn	107.745.377.663	178.785.109.806
Trái phiếu DPG_BOND2017 ^(iv)		68.606.044.827
Trái phiếu DPG.BOND.2019 ^(v)	107.745.377.663	110.179.064.979
Cộng	111.648.772.261	179.985.572.306

- (i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 1 đến 6 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 48 tháng và 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng hoặc 24 tháng cộng với lãi suất biên từ 2,9% đến 3%. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay tại Ngân hàng TMCP Shinhan để mua ô tô với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay cố định 7,9%/năm áp dụng trong suốt thời gian vay. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 05 năm, mệnh giá 1.000.000.000 VND, lãi suất 7,8% đối với năm đầu, các năm sau lãi suất thả nổi, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty và thanh toán đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 (cầu Đẽ Vồng) trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại theo hình thức xây dựng- chuyển giao (BT). Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BT. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 239.000.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 2.390.000.000 VND. Công ty đã thực hiện mua lại toàn bộ trái phiếu với tổng mệnh giá 239.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Trái phiếu không chuyển đổi và có đảm bảo kỳ hạn 02 năm, mệnh giá 100.000.000 VND, lãi suất 11,5% trong suốt kỳ hạn Trái phiếu và được thanh toán định kỳ mỗi 6 tháng. Trái phiếu được phát hành cho tổ chức và các cá nhân để đầu tư cho các Dự án và/hoặc bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các cổ phần đang lưu hành và tự do chuyển nhượng của Công ty thuộc sở hữu của Ban lãnh đạo Công ty có giá trị luôn ít nhất bằng 150% tổng giá trị Trái phiếu phát hành. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 111.900.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 1.778.500.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ (31/12/2020)				
Vay dài hạn ngân hàng	5.584.883.514	1.681.488.916	3.903.394.598	
Trái phiếu thường	107.745.377.663		107.745.377.663	
Cộng	113.330.261.177	1.681.488.916	111.648.772.261	
Số đầu năm (01/01/2020)				
Vay dài hạn ngân hàng	10.182.607.500	8.982.145.000	1.200.462.500	
Trái phiếu thường	178.785.109.806		178.785.109.806	
Cộng	188.967.717.306	8.982.145.000	179.985.572.306	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm (01/01/2020)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Trả nợ/Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ (31/12/2020)
Vay dài hạn ngân hàng	1.200.462.500	5.513.500.000	2.810.567.902	3.903.394.598
Trái phiếu thường	178.785.109.806	1.360.267.857	72.400.000.000	107.745.377.663
Cộng	179.985.572.306	6.873.767.857	75.210.567.902	111.648.772.261

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

17a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2020)	11.612.546.305
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	
Số sử dụng	
Số hoàn nhập	
Số cuối kỳ (31/12/2020)	11.612.546.305

17b. Dự phòng phải trả dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2020)	684.089.741
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	-
Số cuối kỳ (31/12/2020)	684.089.741

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm (01/01/2020)	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ (31/12/2020)
Quỹ khen thưởng	13.470.089.668	4.534.761.955	(12.843.624.998)	5.161.226.625
Quỹ phúc lợi	11.060.494.839		(1.251.656.000)	9.808.838.839
Cộng	24.530.584.507	4.534.761.955	(14.095.280.998)	14.970.065.464

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	299.999.620.000	49.341.290.000	41.352.798.365		343.799.278.382	734.492.986.747
Tăng vốn từ lợi nhuận	149.998.480.000				(149.998.480.000)	-
Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền					(14.999.981.000)	(14.999.981.000)
Lợi nhuận trong năm					151.158.731.834	151.158.731.834
Trích lập các quỹ					(5.651.713.651)	(5.651.713.651)
Số dư cuối năm trước	449.998.100.000	49.341.290.000	41.352.798.365	-	324.307.835.565	865.000.023.930
Số dư đầu năm nay	449.998.100.000	49.341.290.000	41.352.798.365	-	324.307.835.565	865.000.023.930
Tăng vốn từ lợi nhuận						
Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền					(43.499.810.000)	(43.499.810.000)
Lợi nhuận trong kỳ					64.664.590.425	64.664.590.425
Trích lập các quỹ					(4.534.761.955)	(4.534.761.955)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành				(36.786.835.025)		(36.786.835.025)
Số dư cuối kỳ này	449.998.100.000	49.341.290.000	41.352.798.365	(36.786.835.025)	340.937.854.035	844.843.207.375

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.999.810	44.999.810
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.999.810	44.999.810
- Cổ phiếu phổ thông	44.999.810	44.999.810
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.500.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.499.810	44.999.810
- Cổ phiếu phổ thông	43.499.810	44.999.810
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 43.499.810.000
• Trích quỹ khen thưởng	: 4.534.761.955

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Doanh thu hợp đồng xây dựng	456.398.736.754	660.126.502.817	1.313.463.802.664	1.440.158.269.559
Doanh thu bán hàng hóa	1.111.555.626	5.701.144.191	4.727.836.811	9.091.759.260
Doanh thu cung cấp dịch vụ	971.121.965	110.496.982	2.466.954.517	2.570.319.508
Doanh thu chuyển nhượng dự án đầu tư	3.123.920.025	(32.480.614.799)	3.123.920.025	231.464.726.974
Cộng	461.605.334.370	633.457.529.191	1.323.782.514.017	1.683.285.075.301

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm 2020</u>	<u>Quý 4 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	418.978.188.053	585.919.629.565	1.151.735.599.933	1.227.063.499.421
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.111.555.208	5.371.796.448	4.699.605.980	8.762.411.517
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.026.874.682	47.033.175	2.316.065.516	2.527.298.288
Giá vốn chuyển nhượng dự án đầu tư	0	(32.480.614.800)	0	186.419.862.318
Cộng	422.116.617.943	558.857.844.388	1.158.751.271.429	1.424.773.071.544

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm 2020</u>	<u>Quý 4 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	670.833.294	2.703.799.614	7.112.098.999	5.649.477.331
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	24.151.519	28.411.222	90.537.674	92.592.505
Lãi tiền cho vay	3.649.574.899	1.610.834.734	7.416.226.028	4.236.762.024
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.778.480.000	18.138.426.461	12.098.480.000	18.649.770.461
Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	639.528.000	1.417.660	656.165.184
Cộng	16.123.039.712	23.121.000.031	26.718.760.361	29.284.767.505

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm 2020</u>	<u>Quý 4 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</u>
Chi phí lãi vay	10.917.556.354	11.991.769.351	43.242.123.656	43.750.841.085
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu			393.955.172	
Chi phí mượn tài sản mang đi thế chấp	132.527.260	539.175.000	527.228.014	539.175.000
Dự phòng tổn thất đầu tư	(33.584.665.992)	18.331.873.933	18.314.030.482	18.331.873.933
Chi phí khác	0		0	
Cộng	(22.534.582.378)	30.862.818.284	62.477.337.324	62.621.890.018

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm 2020</u>	<u>Quý 4 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</u>
Chi phí cho nhân viên	7.362.026.134	7.780.037.362	24.597.242.898	27.327.371.302
Chi phí vật liệu	176.382.736	285.547.396	766.772.128	782.014.114
Chi phí đồ dùng văn phòng	918.477.983	671.694.028	4.235.129.940	2.255.744.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	989.008.026	1.019.810.048	4.120.295.293	3.294.505.961
Thuế, phí và lệ phí	84.567.766	3.109.663	120.694.166	73.073.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.173.556.982	3.469.731.868	12.584.135.807	13.884.231.409
Các chi phí khác	1.879.920.182	1.458.123.458	2.444.269.040	1.903.351.479
Cộng	13.583.939.809	14.688.053.823	48.868.539.272	49.520.292.632

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	248.973.888	60.000.000	248.973.888	549.770.854
Thu từ thanh lý CCDC	246.727.750	60.000.000	248.874.300	203.118.181
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	0			10.321.459.646
Thu nhập khác	(908.291)	585	165.116	2.742.445
Cộng	494.793.347	120.000.585	498.013.304	11.077.091.126

7. Chi phí khác

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí thanh lý CCDC	246.727.750		246.727.750	56.655.072
Chi phí khác	198.931.248	3.486.861	204.364.100	28.341.531
Cộng	445.658.998	3.486.861	451.091.850	84.996.603

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.021.229.081	119.414.419.297	506.815.106.747	467.286.386.773
Chi phí nhân công	21.324.000.596	22.444.520.143	78.973.810.906	81.834.509.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.060.459.212	8.856.060.304	33.102.194.231	37.458.221.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.074.818.504	389.629.714.363	573.746.405.273	758.092.325.818
Chi phí khác	2.014.055.818	2.801.084.662	4.102.855.259	4.487.739.462
Cộng	331.494.563.211	543.145.798.769	1.196.740.372.416	1.349.159.183.011

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ công ty không phát sinh giao dịch không bằng tiền.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Lương Minh Tuấn	266.902.141	271.740.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Phạm Kim Châu	117.922.192	117.600.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho bà Lương Thị Lan – chị gái ông Lương Minh Tuấn	40.872.674	46.200.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Lương Minh Tuấn và ông Phạm Kim Châu dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 18.540.000.000 VND (xem thuyết minh số V.17a).

Ông Lương Minh Tuấn, ông Trần Anh Tuấn và ông Phạm Kim Châu cũng dùng cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của mình để làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty (xem thuyết minh số V.16b)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Tiền lương, thù lao	1.998.841.191	1.354.567.701	7.029.082.935	6.167.462.698
Tiền thưởng	656.200.000	10.600.000	668.700.000	27.100.000
Cộng	2.655.041.191	1.365.167.701	7.697.782.935	6.194.562.698

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Bung	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Xem thuyết minh số V.2c.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, bán vật tư, cho thuê thiết bị và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh KD bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.313.463.802.664	3.123.920.025	7.194.791.328	1.323.782.514.017
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.313.463.802.664	3.123.920.025	7.194.791.328	1.323.782.514.017
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	161.728.202.731	3.123.920.025	179.119.832	165.031.242.588
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(48.868.539.272)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				116.162.703.316
Doanh thu hoạt động tài chính				26.718.760.361
Chi phí tài chính				(62.477.337.324)
Thu nhập khác				498.013.304
Chi phí khác				(451.091.850)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(15.786.457.382)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				64.664.590.425
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				24.883.446.189
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				56.030.694.335
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.440.158.269.559	231.464.726.974	11.662.078.768	1.683.285.075.301
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh KD bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.440.158.269.559	231.464.726.974	11.662.078.768	1.683.285.075.301
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	213.094.770.138	45.044.864.656	372.368.963	258.512.003.757
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(49.520.292.632)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				208.991.711.125
Doanh thu hoạt động tài chính				29.284.767.505
Chi phí tài chính				(62.621.890.018)
Thu nhập khác				11.077.091.126
Chi phí khác				(84.996.603)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(35.487.951.301)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				151.158.731.834
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				32.380.870.424
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				48.974.081.276
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực KD bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ (31/12/2020)				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	676.962.548.524	309.306.247.189		986.268.795.713
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.110.301.898.443
Tổng tài sản				2.096.570.694.156
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.214.280.719.493	0		1.214.280.719.493
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				37.446.767.288
Tổng nợ phải trả				1.251.727.486.781
Số đầu năm (01/01/2020)				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	936.655.457.137	168.368.451.690		1.105.023.908.827
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.146.021.727.320
Tổng tài sản				2.251.045.636.147
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.344.212.026.480			1.344.212.026.480
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				41.833.585.737
Tổng nợ phải trả				1.386.045.612.217

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020 (Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn